

LUYỆN TẬP CHUNG TRANG 138, 139

Bài 1 (trang 138 SGK Toán 4):

Trong các phép tính sau, phép tính nào làm đúng ?

$$a) \frac{5}{6} + \frac{1}{3} = \frac{5+1}{6+3} = \frac{6}{9} = \frac{1}{3}$$

$$b) \frac{5}{6} - \frac{1}{3} = \frac{5-1}{6-3} = \frac{4}{3};$$

$$c) \frac{5}{6} \times \frac{1}{3} = \frac{5 \times 1}{6 \times 3} = \frac{5}{18}$$

$$d) \frac{5}{6} : \frac{1}{3} = \frac{1}{3} \times \frac{5}{6} = \frac{1 \times 5}{3 \times 6} = \frac{5}{18}$$

Phương pháp giải:

Áp dụng các quy tắc sau:

- Muốn cộng (hoặc trừ) hai phân số ta quy đồng mẫu số hai phân số rồi cộng (hoặc trừ) hai phân số sau khi quy đồng.
- Muốn nhân hai phân số ta lấy tử số nhân với tử số, mẫu số nhân với mẫu số.
- Muốn chia hai phân số ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số thứ hai đảo ngược.

Lời giải:

Phép c) làm đúng.

Nói thêm: Phép a), b) sai vì không thể cộng (trừ) phân số bằng cách cộng (trừ) tử số với mẫu số, mẫu số với mẫu số.

Phép tính d) sai vì không thể chia hai phân số bằng cách đảo ngược vị trí của hai phân số đó rồi làm tính nhân.

Bài 2 (trang 139 SGK Toán 4):

Tính :

$$a) \frac{1}{2} \times \frac{1}{4} \times \frac{1}{6}; \quad b) \frac{1}{4} \times \frac{1}{4} : \frac{1}{6}; \quad c) \frac{1}{2} : \frac{1}{4} \times \frac{1}{6}$$

Phương pháp giải:

Biểu thức chỉ có phép nhân và phép chia thì ta tính lần lượt từ trái sang phải.

Lời giải:

$$a) \dots = \frac{1 \times 1 \times 1}{2 \times 4 \times 6} = \frac{1}{48}$$

$$b) \dots = \frac{1}{2} \times \frac{1}{4} \times \frac{6}{1} = \frac{1 \times 1 \times 6}{2 \times 4 \times 1} = \frac{3}{4}$$

$$c) \dots = \frac{1}{2} \times \frac{4}{1} \times \frac{1}{6} = \frac{1 \times 4 \times 1}{2 \times 1 \times 6} = \frac{1}{4}$$

Phương pháp giải:

Biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia thì ta thực hiện phép tính nhân, chia trước, thực hiện phép cộng, trừ sau.

Bài 3 (trang 139 SGK Toán 4):

Tính :

$$a) \frac{5}{2} \times \frac{1}{3} + \frac{1}{4}; \quad b) \frac{5}{2} + \frac{1}{3} \times \frac{1}{4}; \quad c) \frac{5}{2} - \frac{1}{3} : \frac{1}{4}$$

Phương pháp giải:

Biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia thì ta thực hiện phép tính nhân, chia trước, thực hiện phép cộng, trừ sau.

Lời giải:

$$a) \dots = \frac{5 \times 1}{2 \times 3} + \frac{1}{4} = \frac{5}{6} + \frac{1}{4} = \frac{10}{12} + \frac{3}{12} = \frac{13}{12}$$

$$b) \dots = \frac{5}{2} + \frac{1 \times 1}{3 \times 4} = \frac{5}{2} + \frac{1}{12} = \frac{30}{12} + \frac{1}{12} = \frac{31}{12}$$

$$c) \dots = \frac{5}{2} - \frac{1}{3} \times \frac{4}{1} = \frac{5}{2} - \frac{1 \times 4}{3 \times 1} = \frac{5}{2} - \frac{4}{3} = \frac{15}{6} - \frac{8}{6} = \frac{7}{6}$$

Bài 4 (trang 139 SGK Toán 4):

Người ta cho một vòi nước chảy vào bể chứa nước. Lần thứ nhất chảy vào $\frac{3}{7}$ bể, lần thứ hai chảy thêm $\frac{2}{5}$ bể. Hỏi còn mấy phần của bể chưa có nước.

Phương pháp giải:

- Coi bể nước khi đầy nước là 1 đơn vị.
- Tính số phần bể đã có nước = số phần nước chảy vào bể lần thứ nhất + số phần nước chảy vào bể lần thứ hai.
- Số phần bể chưa có nước = $1 -$ số phần bể đã có nước

Lời giải:

Số phần bể có nước là:

$$\frac{3}{7} + \frac{2}{5} = \frac{29}{35} \text{ (bể)}$$

Số phần bể còn lại chưa chứa nước là:

$$\frac{35}{35} - \frac{29}{35} = \frac{6}{35} \text{ (bể)}$$

Đáp số: $\frac{6}{35}$ bể

Bài 5 (trang 139 SGK Toán 4):

Một kho chứa 23 450 kg cà phê. Lần đầu lấy ra 2710 kg cà phê, lần sau lấy ra gấp đôi lần đầu. Hỏi trong kho còn lại bao nhiêu ki-lô-gam cà phê?

Phương pháp giải:

- Tính số cà phê lấy ra lần sau = số cà phê lấy ra lần đầu $\times 2$.
- Tính số cà phê lấy ra hai lần = số cà phê lấy ra lần đầu + số cà phê lấy ra lần sau.
- Tính số cà phê còn lại = số cà phê ban đầu $-$ số cà phê lấy ra hai lần.

Lời giải:

Lần sau đã lấy ra :

$$2710 \times 2 = 5420 \text{ (kg)}$$

Cả hai lần đã lấy ra :

$$2710 + 5420 = 8130(\text{kg})$$

Trong kho còn lại :

$$23\ 450 - 8130 = 15\ 320 (\text{kg})$$

Đáp số: 15 320 kg cà phê.